

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/DS-PT**

Ngày 16 - 3 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài
sản và đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 256/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Xuân **H**, sinh năm 1949 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 54, tổ 3, ấp Trung 2, xã **TT**, huyện **PT**, **AG**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N là Luật sư của Văn phòng Luật sư số 7 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Đăng **X**, sinh năm 1961 (Có mặt).

2.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng**, sinh năm 1968.

Cùng cư trú: Số 306, đường CVA, ấp thượng 3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

Nơi tạm trú: Ấp Thượng 2, thị trấn PM, huyện PT, AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Nguyễn Thị Diễm **Th1**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 54, tổ 3, ấp Trung 2, xã **TT**, huyện **PT**, **AG**.

Nơi tạm trú: Số 322/11A, đường CM T 8, p 10, q 3, Tp HCM.

3.2 Chị Hà Thị **H1**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trung **H2**, xã TT, huyện PT, tỉnh AG.

3.3 Anh Nguyễn Anh **Th2**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 54, tổ 3, ấp Trung 2, xã **TT**, huyện **PT**, **AG**.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Võ Thị **Xuân H** trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2017 bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** hỏi mượn tiền của bà nhiều lần tổng cộng là 7.910.450.000đ, trong đó có biên nhận do bà **Ng** viết thừa nhận số tiền 844.000.000đ, 5 biên nhận bà **Ng** thừa nhận số tiền 570.000.000đ, 02 biên nhận 65.000.000đ, 2 phiếu chuyển tiền tại **Ng** hàng Sacombank do chị **Th1** chuyển theo yêu cầu của bà **Ng** số tiền 35.000.000đ (01 phiếu 30.000.000đ và 01 phiếu 5.000.000đ), còn số tiền khác do bà ghi sổ theo dõi. Ngoài ra trong thời gian này bà **Ng** còn mượn của bà 3 món trang sức chưa trả gồm: 01 lắc đeo tay 05 chỉ vàng 18kara có hột cẩm thạch, 01 dây lắc 05 chỉ vàng 18kara có hột cẩm thạch hình móng ngựa, 01 nhẫn 01 chỉ vàng 18kara có hột trắng. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** phải trả cho bà số tiền và 3 món nữ trang nói trên.

Về số vàng và tiền bên bà **Ng** và ông **X** không thừa nhận bà và con là chị **Th1** có thu âm được cuộc đàm thoại giữa hai bên về số vàng và tiền mượn, nội dung bà **Ng** thừa nhận và nhờ người khác đi cầm ở tiệm vàng Kim Quang 2 (Trinh) 2 lần, 1 lần 2 món trị giá 14.000.000đ, 01 lần 01 món trị giá 8.000.000đ, bà yêu cầu giám định giọng nói của bà **Ng** và các bên cam kết thực hiện, kết quả giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định giọng nói trong đoạn đàm thoại ghi âm với mẫu so sánh là cùng 01 người (bà **Ng**). Vì vậy, bà yêu cầu ông **X** và bà **Ng** cùng phải trả số vàng và tiền cho bà.

Mặt khác, trước khi mở phiên tòa bà có gửi đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay chỉ yêu cầu ông **X**, bà **Ng** trả cho bà tiền vay gồm: Biên nhận ngày 17/10/2017 là 844.000.000đ; Biên nhận ngày 24/6/2016 là 40.000.000đ; Biên nhận ngày 29/6/2016 là 25.000.000đ; 02 phiếu chuyển tiền tại ngân hàng Sacombank là 35.000.000đ, tổng cộng là 944.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định. Còn các khoản tiền khác và vàng bà xin rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** trình bày:

Việc vợ ông là bà **Ng** làm ăn với bà **H** như thế nào ông không biết, đến ngày 17/10/2017 vợ ông là bà **Ng** làm biên nhận cho bà **H** cộng dồn các khoản còn nợ là 844.000.000đ (trong đó có cộng gộp 5 biên nhận số tiền

570.000.000đ), sau khi làm biên nhận bà **H** yêu cầu trả cho các chủ nợ khác (khoảng 10 lần) với số tiền 308.500.000đ. Ngoài ra, không có mượn 3 món nữ trang như bà **H** trình bày, nếu hiện nay vợ ông còn nợ bà **H** ông cũng đồng ý cùng trả nhưng không có khả năng trả tiền và vàng ngay, hện có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Diễm Thuý trình bày: Các lần bà **Ng** mượn tiền của bà **H** (mẹ ruột chị) trong đó thông qua chị đã chuyển tiền qua Ngân hàng Sacombank 2 lần cho bà **Ng** nên yêu cầu bà **Ng**, ông **X** trả tiền cho bà **H**.

Chị Hà Thị **H1** trình bày: Bà **Ng** xin tham gia dây hụi 10.000.000đ nhưng chị không cho chơi nên bà **H** lãnh, sau đó mở được 2 lần thì bà **Ng** không có khả năng đóng hụi nên giật 2 lần châu hụi là 20.000.000đ sang dây hụi 5.000.000đ, dây hụi này bà **Ng** còn nợ của chị 75.000.000đ nên không có chuyện chị **Ng** hốt dây hụi 10.000.000đ trả cho bà **H** 200.000.000đ trong số tiền 308.500.000đ.

Anh Nguyễn Anh **Th2** trình bày: Số tiền bà **Ng** đưa cho anh 15.000.000đ để trả Xí Được và 2.500.000đ để sửa xe anh không biết, nếu bà **Ng** có chứng cứ thì chứng minh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 256/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về “Hợp đồng vay tài sản” .

- Buộc ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** phải trả cho bà Võ Thị Xuân **H** số tiền vốn vay là 944.000.000đ (chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng)

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Xuân **H** đòi ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** tiền vay là 6.966.450.000đ và 03 (ba) món trang sức gồm: 01 lắc đeo tay 05 chỉ vàng 18kara có hột cẩm thạch, 01 dây lắc 05 chỉ vàng 18kara có hột cẩm thạch hình móng ngựa, 01 nhẫn 01 chỉ vàng 18kara có hột trắng.

- Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-KCTT ngày 07/9/2018 bằng hình thức cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng**.

- Chi phí tố tụng: Chi phí giám định ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** phải chịu 15.000.000đ (do bà **H** tạm nộp). ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** phải hoàn trả cho bà Võ Thị **X H** số tiền này (15.000.000đ)

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** phải chịu 40.320.000đ. Bà Võ Thị Xuân **H** được miễn án phí, các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 10 năm 2020 ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** nộp Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 256/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 944.000.000đ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng**, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 256/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, buộc ông **X** và bà **Ng** trả cho bà **H** số tiền 844.000.000đ. Ông **X** và bà **Ng** phải nộp 37.320.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Chị Nguyễn Thị Diễm **Th1** có Đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa phù hợp với khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** là bị đơn trong vụ án có Đơn kháng cáo nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên được coi như đã từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà **Ng**.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Võ Thị Xuân **H** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là ông Nguyễn Đăng **X** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 256/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[3] Về kháng cáo của ông **X**, xét thấy bà **H** khởi kiện yêu cầu ông **X** và bà **Ng** trả số tiền 944.000.000đ cụ thể: Biên nhận ngày 17/10AL/2017 bà **Ng** vay của bà **H** số tiền 844.000.000đ; Biên nhận ngày 24/6/2016 bà **Ng** vay của bà **H** số tiền 40.000.000đ; Biên nhận ngày 29/6/2016 bà **Ng** vay của bà **H** số tiền 25.000.000đ; 02 phiếu chuyển tiền tại **Ng** hàng Sacombank gồm lần 01 vào ngày 08/11/2016 do chị Nguyễn Thị Diễm **Th1** chuyển cho Hồ Ngọc Phụng số tiền 5.000.000đ và lần 02 vào ngày 27/6/2017 do chị Nguyễn Thị Diễm **Th1** chuyển cho Nguyễn Đăng Nhựt Trung số tiền 30.000.000đ. Bà **H** yêu cầu ông **X** và bà **Ng** cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 944.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Ông **X** và bà **Ng** cho rằng bà **Ng** có viết Biên nhận ngày 17/10AL/2017 để vay của bà **H** số tiền 844.000.000đ, còn các biên nhận trước ngày 17/10AL/2017 đã được gộp vào Biên nhận ngày 17/10AL/2017 nên không còn giá trị pháp lý. Việc bà **Ng** cho rằng đã trả cho bà **H** số tiền 308.500.000đ gồm trả cho bà **H1** số tiền 200.000.000đ; trả cho anh **Th2** (con bà **H**) số tiền 15.000.000đ và trả 8 khoản khác với số tiền 90.500.000đ nhưng bà **H**, anh **Th2** và bà **H1** không thừa nhận và ông **X**, bà **Ng** không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào Biên nhận ngày 17/10AL/2017 có nội dung “Tôi Nguyễn Thị Ngọc **Ng** có nhận của cô Út **X H** 844.000.000đ (Tám trăm bốn mươi bốn triệu) từ trước tới ngày nay 17/10/2017 là hết”. Như vậy, có cơ sở xác định bà **H** và bà **Ng** đã tổng kết số tiền của các biên nhận để ký kết Biên nhận ngày 17/10AL/2017 nên các Biên nhận được ký trước ngày 17/10AL/2017 không còn giá trị pháp lý. Kể từ khi bà **Ng** ký và giao cho bà **H** Biên nhận ngày 17/10AL/2017 đến ngày khởi kiện bà **H** cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **X**, buộc ông **X** và bà **Ng** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **H** số tiền 844.000.000đ và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **H** yêu cầu ông **X** và bà **Ng** phải trả số tiền 100.000.000đ.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của bà **H**, cấp sơ thẩm nhận định tại Đơn khởi kiện bà **H** không yêu cầu tính lãi nhưng tại phiên tòa sơ thẩm mới yêu cầu tính lãi là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được chấp nhận và bà **H** không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **X**. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 256/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa, không chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bà **H**.

Các phần khác của bản án, các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

[5] Về án phí:

Bà **H** phải nộp 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu không được chấp nhận nhưng bà là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà **H**.

Ông **X** và bà **Ng** phải nộp 37.320.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông **X** là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông **X**. Ông **X** không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên ông **X** được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí.

Bà **Ng** phải nộp 18.660.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà **Ng** đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng**.

3. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đăng **X**. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 256/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Xuân **H**.

Buộc ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Xuân **H** số tiền 844.000.000đ (Tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Xuân **H** yêu cầu ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Xuân **H** đòi ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** trả số tiền 6.966.450.000đ và 03 (ba) món trang sức gồm: 01 lắc đeo tay 05 chỉ vàng 18kara có hạt cẩm thạch, 01 dây lắc 05 chỉ vàng 18kara có hạt cẩm thạch hình móng ngựa, 01 nhẫn 01 chỉ vàng 18kara có hạt trắng.

7. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-KCTT ngày 07/9/2018 bằng hình thức cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ là ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng**.

8. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Đăng **X** và bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** phải hoàn trả cho bà Võ Thị Xuân **H** số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) chi phí giám định.

9. Về án phí:

9.1 Bà Võ Thị Xuân **H** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

9.2 Ông Nguyễn Đăng **X** được miễn án phí dân sự sơ thẩm, ông **X** không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên ông **X** được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001516 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

9.3 Bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** phải nộp 18.660.000đ (Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

9.4 Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Nguyễn Thị Ngọc **Ng** đã nộp theo Biên lai thu số 0001516 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- TAND.H.Phú Tân;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

Đào Chí Keo

Trần Thị Thúy Hà